TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2021/QĐST-HNGĐ	*Văn Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 150/2020/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn H, xã C, huyện G, tỉnh Hưng Yên

- Anh Trần Văn O, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn N, xã P, huyện G, tỉnh Hưng Yên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn O tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2019 tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Hưng Yên, đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Hai bên đều cảm thấy không hợp nhau từ công việc, nếp sinh hoạt, cách nghĩ, cách sống. Tháng 9/2020, chị Q về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay vợ chồng ly thân, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay chị Q và anh O đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không muốn đoàn tụ và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh O đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của chị Q và anh O là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh O.

[2] Về con chung: Chị Q và anh O cùng xác nhận anh chị không có con chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, đất nông nghiệp, công sức: Chị Q và anh O đều khẳng định không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Q và anh O thống nhất để chị Q nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn O đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Q và anh O cùng xác nhận anh chị không có con chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, đất nông nghiệp, công sức: Chị Q và anh O đều khẳng định không có gì chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí, chị Q và anh O thỏa thuận: Chị Q nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp theo biên lai thu số 0001263 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Chị Q đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND huyện Văn Giang;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Văn Giang;
- UBND xã Phụng Công (ĐKKH số 04, ngày 14/01/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Miện